TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 172/2020/QĐST-VHNGĐ	*M, ngày 20 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 398/2020/TLST-VHNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Duy Văn T, sinh năm 1990

Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở: Khu phố C, phường D, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Bùi Thị Hồng P, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Tổ 7, khu phố B, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Duy Văn T và Bà Bùi Thị Hồng P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T (nay là phường MX, thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 245 ngày 20/12/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc ông T và bà P thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Duy Văn T và Bà Bùi Thị Hồng P có 01 con chung là cháu Duy Toàn T, sinh ngày 09/5/2015. Theo sự thỏa thuận của ông T và bà P giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi

trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T cấp dưỡng nuôi cháu T với số tiền 2.000.000/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông Duy Văn T và Bà Bùi Thị Hồng P mỗi người nộp 150.000đ lệ phí thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Duy Văn T và Bà Bùi Thị Hồng P thuận tình ly hôn.

Về con chung: Căn cứ sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Duy Toàn T, sinh ngày 09/5/2015 cho Bà Bùi Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Duy Văn T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, Ông Duy Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Duy Văn T và Bà Bùi Thị Hồng P mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0005615 ngày 30/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Duy Văn T và Bà Bùi Thị Hồng P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- CCTHADS thị xã M;
- UBND phường X;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thu Hiền